

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 1786/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đoàn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Lê Quang Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1044/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2747/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thu T, sinh năm 1990

Địa chỉ: phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1991

Địa chỉ: phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Võ Thu T có mặt, ông Nguyễn Minh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tài phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thu T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Minh H tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 06/7/2016.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2017, khi bà sinh con thì hai bên bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Ông H không có sự quan tâm, chia sẻ tình cảm cũng như công việc gia đình nên dẫn đến mâu

thuần ngày càng trầm trọng. Mặc dù, hai bên đã cố gắng dung hòa mâu thuẫn, tạo điều kiện để đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Nay, bà T xác định cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Bà T xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Thảo M, sinh ngày 04/5/2017. Hiện nay, bà đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu tiếp tục nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2021, bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T thay đổi yêu cầu, cụ thể bà yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định không có.

Ngoài ra, bà T không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thu T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường L, thành phố T thì bị đơn ông Nguyễn Minh H cư trú tại địa chỉ L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Bị đơn ông Nguyễn Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Thu T và ông Nguyễn Minh H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T (nay là thành phố T) theo giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 06/7/2016 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông H:

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, hai vợ chồng cần có sự yêu thương, quan tâm, cùng nhau chia sẻ, vun đắp gia đình. Tuy nhiên, theo bà T trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khi bà sinh con, ông H không có sự quan tâm, chia sẻ tình cảm cũng như công việc gia đình nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù, hai bên đã cố gắng dung hòa mâu thuẫn, tạo điều kiện để đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân theo văn bản số 164/UBND ngày 28/3/2022 của Ủy ban nhân dân phường L có nội dung: Bà Võ Thu T và ông Nguyễn Minh H hiện tại đang ly thân, thời gian ly thân từ tháng 5/2021 đến nay. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H đến Tòa để giải quyết vụ án, nhưng ông H vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H. Điều đó chứng tỏ ông H không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Qua ý kiến trình bày của bà T, sự vắng mặt của ông H trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn ông H là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 117 do Ủy ban nhân dân phường L, quận T (nay là thành phố T) cấp ngày 09/5/2017, có đủ cơ sở xác định bà Võ Thu T và ông Nguyễn Minh H có 01 con chung tên Nguyễn Thảo M, sinh ngày 04/5/2017.

Đối với yêu cầu nuôi con của bà T: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Thảo M, sinh ngày 04/5/2017. Xét thấy, theo lời khai của bà T và nội dung trả lời xác minh tại văn bản số 164/UBND ngày 28/3/2022 của Ủy ban nhân dân phường L thì bà T đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thảo M. Ông H đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến phản hồi gì về vấn đề con chung. Để đảm bảo không gây xáo trộn cuộc sống và

ổn định tâm lý của trẻ nên việc giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ phù hợp và thuận lợi hơn cho sự phát triển toàn diện về mọi mặt của con. Do đó, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thảo M là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu ông Nguyễn Minh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi: Theo kết quả xác minh tại văn bản số 164/UBND ngày 28/3/2022 của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T có nội dung: Trong thời gian qua cháu Nguyễn Thảo M sống cùng bà Võ Thu T, đồng thời hàng tháng ông H tự nguyện chu cấp tiền nuôi dưỡng con chung số tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Do đó, việc bà T yêu cầu ông Nguyễn Minh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp.

[2.5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Ông Nguyễn Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thu T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thảo M, sinh ngày 04/5/2017 cho bà Võ Thu T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Minh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Võ Thu T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Minh H không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng ông H còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Võ Thu T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thu T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0059249 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Thu T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Minh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Võ Thu T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Minh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a,

Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Đoàn